

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2024/HSST**

Ngày: 27/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga

2. Ông Bùi Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Quỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 5 năm 2024 và ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2024/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST – HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1961 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có đăng ký hộ khẩu thường trú; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn C** (đã mất) và bà **Đỗ Thị S** (đã mất); chưa có vợ con; tiền án: Ngày 21/5/2013 bị Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 36/2013/HSST ngày 21/5/2013 của Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, chưa đóng án phí). Ngày 31/7/2014 bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 267/2014/HSST ngày 31/7/2014 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/3/2015 chấp hành xong hình phạt tù, chưa đóng án phí). Ngày 26/4/2018 bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 101/2018/HSST ngày 26/4/2018 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 05/11/2019 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 23/6/2020 mới đóng án phí). Ngày 29/5/2020 bị Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 27/2020/HSST ngày 29/5/2020 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/3/2023 chấp hành xong hình phạt tù, đóng án phí ngày 05/8/2020); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/8/1986 bị **Công an Thành phố H** bắt, lập danh chỉ bản số 17212 về việc cưỡng bức lao động; **Ủy ban nhân dân Thành phố H** ra Quyết định Cưỡng bức lao động 12 (mười hai) tháng, Quyết định số 3386 ngày 04/12/1986. Ngày 26/7/1987 bị **Công an tỉnh B** bắt, lập danh chỉ bản số 12 về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”. Ngày 27/5/1988 bị **Công an Q**, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 5322 về hành vi “Cướp tài sản

công dân”, đưa đi Cường bức lao động 18 (mười tám) tháng. Ngày 11/12/1988 bị Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh bắt, lập danh chỉ bản số 6721 về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”; Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định tập trung cải tạo 12 (mười hai) tháng, Quyết định số 1374/QĐUB ngày 20/12/1988, (Ủy ban nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh qua trích lục không tìm thấy Quyết định trên). Ngày 16/6/1990 bị Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”; Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định Cường bức lao động 24 (hai mươi bốn) tháng, Quyết định số 182 ngày 23/6/1990, (Ủy ban nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh qua trích lục không tìm thấy Quyết định trên). Ngày 16/3/1992 bị Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; Ngày 16/7/1992 bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử tù có thời hạn 18 (mười tám) tháng, (Bản án số 136/HSST ngày 16/7/1992). Ngày 23/6/1997 bị Công an huyện B, tỉnh Bình Dương bắt về tội “Giết người”; ngày 18/12/1997 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử tù có thời hạn 07 (bảy) năm, (Bản án số 108/HSST ngày 18/12/1997); Ngày 21/01/1998 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại và xử tù có thời hạn 07 (bảy) năm, (Bản án hình sự phúc thẩm số 422/HSPT ngày 21/01/1998, ngày 19/12/2002 chấp hành xong hình phạt tù, đã đóng án phí). Bị bắt, tạm giam ngày 19/01/2024. “Có mặt”

- Bị hại: Ông Lê Văn Bé H, sinh năm 1968. Địa chỉ: N khu T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 25/8/2023, Nguyễn Văn M đi bán vé số dạo, khi đến trước nhà ông Lê Văn Bé H ở địa chỉ số N khu T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện nhà mở cửa, không khóa, trong nhà không có người, M thấy có 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, màu xám, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, có dán hình các viên đá sỏi nhiều màu của ông Lê Văn Bé H để trên giường xếp, bên phải cửa ra vào, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, M giả vờ nói lớn mời mua vé số, thấy không có ai trả lời, M đi vào nhà lén lút chiếm đoạt điện thoại di động trên và bỏ vào túi xách màu đen M đang đeo trên người rồi quay trở ra hướng cửa. Lúc này, ông Lê Văn Bé H từ trong nhà vệ sinh đi ra, phát hiện liền truy hô “ăn trộm...”, M bỏ chạy bộ ra ngoài thì bị ông H đuổi theo. M chạy bộ đến giao lộ hẻm Lô N - Đường B thước, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh thì túi xách của M đang đeo trên người bị vướng vào xe máy của một người dân đi đường (chưa rõ lai lịch) nên túi xách bị đứt dây đeo rơi xuống đất, M bỏ lại túi xách, chạy bộ tẩu thoát. Do mệt nên ông Lê Văn Bé H không truy đuổi theo M nữa, lúc này có một người phụ nữ (chưa rõ lai lịch) nhặt được cái túi xách màu đen của M, sau đó mở túi xách ra lấy điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6, màu xám, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, có dán hình các viên đá sỏi nhiều màu trong túi đưa cho ông H cầm điện thoại đi bộ về nhà. Riêng túi xách của M để lại được người phụ nữ đem đến đưa cho ông Châu Đông H1 (là Bảo vệ dân phố Phường 9, Quận D đang trực tại trụ sở Công an P, Quận D) và trình báo vụ việc cho Công an P, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi tẩu thoát, Nguyễn Văn M chạy vào nhà ông Vũ Duy H2 ở địa chỉ kể số A B, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và trốn lên gác lửng thì bị lực lượng Công an P1, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh đưa Nguyễn Văn M về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL – HĐĐGTS ngày 30/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự Quận D kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16Gb, màu xám, bên trong có 01 (một) sim điện thoại, bên ngoài có ốp lưng nhựa màu đen và có dán hình đá sỏi nhiều màu, đã qua sử dụng, có trị giá là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16Gb, màu xám, bên trong có 01 (một) sim điện thoại, bên ngoài có ốp lưng nhựa màu đen và có dán hình đá sỏi nhiều màu, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra Công an Q1, Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hồi điện thoại, trả lại cho bị hại.

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đỏ; 01 (một) quần jean dài, màu đen, đã qua sử dụng là trang phục mà bị cáo Nguyễn Văn M mặc khi trộm cắp tài sản.

+ 01 (một) túi xách bằng vải, màu đen, có dây đeo đã bị đứt đã qua sử dụng, bên trong túi xách có số tiền 369.000 (ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, đây là túi xách của bị cáo Nguyễn Văn M bỏ điện thoại trộm được vào, túi đã bị đứt dây đeo rút lại khi bỏ chạy (do Bảo vệ dân phố Phường I, Quận D giao nộp).

+ 01 (một) đĩa VCD chứa hình ảnh của bị cáo Nguyễn Văn M đang bỏ chạy sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ở địa chỉ số: N397 khu T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cáo trạng số 45/CT – VKSQ.4 ngày 22/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Bị hại ông Lê Văn Bé H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì về dân sự và cũng không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Miễn hình phạt bổ sung do bị cáo M có hoàn cảnh khó khăn. Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Do tài sản mà bị cáo M chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên khoản bồi thường về dân sự không có gì giải quyết. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự, cùng các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 25/8/2023, tại căn nhà ở địa chỉ số N khu T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Lê Văn Bé H là 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, dung lượng 16Gb, màu xám, bên trong có chứa 01 (một) sim điện thoại, bên ngoài có ốp lưng nhựa màu đen và có dán hình đá sỏi nhiều màu, đã qua sử dụng, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại có tổng giá trị là 900.000 (chín trăm nghìn) đồng. Bị cáo Nguyễn Văn M đã có 04 (bốn) tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục cố ý phạm cùng một tội “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đối với hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn M là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ, mục đích muốn có tiền tiêu xài cho bản thân nên bị cáo Nguyễn Văn M đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn ở địa phương. Xét, tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn M chiếm đoạt của bị hại có giá trị dưới 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng bị cáo Nguyễn Văn M có 04 (bốn) tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Ngoài ra, bị cáo đã cố ý phạm tội năm lần trở lên về cùng một tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo là một người không có nghề nghiệp, chuyên sống bằng nguồn thu nhập từ việc phạm tội, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, đây cũng là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tiền sự nhưng có nhân thân rất xấu. Xét, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt tuy có giá trị không lớn, đã trả lại cho bị hại, nhưng với nhân thân lai lịch của bị cáo như đã nêu sau khi chấp hành xong hình phạt tù thì bị cáo vẫn không sửa đổi mà lại tiếp tục thực hiện cùng một hành vi trộm cắp tài sản nên Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án thật

nghiêm khắc để xử phạt bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết bị cáo đã thành khẩn khai báo sau khi thực hiện hành vi phạm tội, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Ngoài ra, xét bị cáo **M** có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét, ngày 13/11/2023 bị cáo **Nguyễn Văn M** đã bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày 27/8/2023 tại Cơ sở cai nghiện ma túy Bồ Lá, (Quyết định số: 271/2023/QĐ – TA ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 18/01/2024 Cơ sở cai nghiện ma túy Bồ Lá đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc. Ngày 19/01/2024 bị cáo **Nguyễn Văn M** bị bắt tạm giam để điều tra trong vụ án Trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Điều 39 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đang cai nghiện ma túy bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Và tại điểm d khoản 3 Điều 58 Nghị định 116/2021/NĐ – CP ngày 21/12/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, có quy định về điều kiện miễn chấp hành phần thời gian thi hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc như sau: “Người từ đủ 14 tuổi trở lên đang cai nghiện bắt buộc mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xử phạt tù nhưng không được hưởng án treo thì được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Do bị cáo **Nguyễn Văn M** phải chấp hành hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” trong vụ án này nên được miễn chấp hành thời gian còn lại trong Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, số: 271/2023/QĐ – TA ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Lê Văn Bé H** đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo **M** phải bồi thường gì thêm và cũng không có yêu cầu nào khác nên phần bồi thường về trách nhiệm dân sự không có gì để giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đỏ; 01 (một) quần jean dài, màu đen, đã qua sử dụng là trang phục mà bị cáo **Nguyễn Văn M** mặc khi trộm cắp tài sản. Xét, đây là tài sản cá nhân nên giao trả lại, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo từ chối nhận lại, xét đây là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 (một) túi xách bằng vải, màu đen, có dây đeo đã bị đứt đã qua sử dụng, bên trong túi xách có số tiền 369.000 (ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, đây là túi xách của bị cáo **Nguyễn Văn M** bỏ điện thoại trộm được vào, túi đã bị đứt dây đeo rớt lại khi bỏ chạy (do Bảo vệ **dân phố Phường I, Quận D** giao nộp). Xét, đối

với số tiền 369.000 (ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho **Nguyễn Văn M**, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với túi xách bằng vải, màu đen, có dây đeo đã bị đứt, đã qua sử dụng, là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 (một) đĩa VCD chứa hình ảnh của bị cáo **Nguyễn Văn M** đang bỏ chạy sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ở địa chỉ số: N397 **khu T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**. Xét, đây là chứng cứ quan trọng của vụ án nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Nguyễn Văn M** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Nguyễn Văn M** 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19 tháng 01 năm 2024.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa VCD chứa hình ảnh của bị cáo **Nguyễn Văn M** đang bỏ chạy sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ở địa chỉ số: N397 **khu T, Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đỏ; 01 (một) quần jean dài, màu đen và 01 (một) túi xách bằng vải, màu đen, có dây đeo đã bị đứt, tất cả đều đã qua sử dụng.

+ Giao trả lại **Nguyễn Văn M** số tiền 369.000 (ba trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 51/2024 ngày 25/4/2024 giữa Cơ quan Điều tra **Công an Q1** và Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4; Giấy nộp tiền vào tài khoản **kho bạc Nhà nước Q2** ngày 17/4/2024).

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về án phí hình sự: Bị cáo **Nguyễn Văn M** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- CA TP. HCM ; (1)
- TAND TP. HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP. HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC – 81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy